

Số: /QĐ-UBND

Sơn Tịnh, ngày tháng 02 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Kế hoạch và kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2025

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN SƠN TỊNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Thú y số 79/2015/QH13 ngày 19/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 35/2016/NĐ-CP ngày 15/5/2016 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Thú y;

Căn cứ Nghị định số 02/2017/NĐ-CP ngày 09/01/2017 của Chính phủ về cơ chế, chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp để khôi phục sản xuất vùng bị thiệt hại do thiên tai, dịch bệnh;

Căn cứ Quyết định số 13/2023/QĐ-UBND ngày 29/3/2023 của UBND tỉnh Quảng Ngãi Quyết định ban hành Quy định mức hỗ trợ cho người sản xuất bị thiệt hại do dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi;

Căn cứ Quyết định 791/QĐ-UBND ngày 12/12/2024 của UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc phê duyệt Kế hoạch phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi năm 2025;

Quyết định số 3068/QĐ-UBND, ngày 28/12/2024 của UBND huyện Sơn Tịnh về việc giao dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn và chi ngân sách địa phương năm 2025;

Xét đề nghị của Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện tại Tờ trình số 01/TTr-TTĐV ngày 12/02/2025; Công văn số 180/TCKH ngày 17/02/2025 của Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện và đề xuất của Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện tại Phiếu trình số 52/PT-NN&PTNT ngày 24/02/2025.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Kế hoạch và kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện Sơn Tịnh năm 2025, với các nội dung sau:

1. Tên kế hoạch: Kế hoạch và kinh phí phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2025.

2. Đơn vị thực hiện: Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện và UBND các xã, thị trấn.

3. Đối tượng, địa bàn và thời gian thực hiện tiêm phòng:

TT	Loại bệnh	Đối tượng tiêm phòng	Địa bàn thực hiện	Thời gian thực hiện
1	Bệnh LMLM gia súc	Trâu, bò từ: 04 tuần tuổi trở lên	Tiêm đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng (11 xã, thị trấn)	- Đợt 1: Tháng 5/2025 - Đợt 2: Tháng 11/2024 - Tiêm bổ sung thường xuyên khi người dân khai báo
2	Bệnh cúm gia cầm	- Gia cầm từ 02 tuần tuổi trở lên	Tiêm 100% các đàn gia cầm từ 100 con trở lên (11 xã, thị trấn)	- Đợt 1: Tháng 4/2025 - Đợt 2: Tháng 10/2025 - Tiêm bổ sung thường xuyên cho gia cầm mới
3	Bệnh dại động vật	- Chó, mèo từ 2 tháng tuổi trở lên	Tiêm đạt tỷ lệ tối thiểu 70% tổng đàn thuộc diện phải tiêm phòng (11 xã, thị trấn)	- Tiêm đại trà vào tháng 5/2025 - Tiêm bổ sung theo khai báo của người chăn nuôi
4	Bệnh Viêm da nổi cục	Trâu, bò, bê nghé mọi lứa tuổi, kể cả con mẹ mang thai	Tiêm đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng (11 xã, thị trấn)	- Tiêm đại trà 1 đợt vào tháng 3/2025, tiêm bổ sung theo khai báo của người chăn nuôi
5	Bệnh Dịch tả lợn Châu Phi	Lợn từ 1-2 tháng tuổi	Tiêm đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng (11 xã, thị trấn)	- Đợt 1: Tháng 3/2025 - Đợt 2: Tháng 09/2025 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi.
6	Bệnh tụ huyết trùng trâu bò	Trâu, bò từ 6 tháng tuổi trở lên	Tiêm đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng (11 xã, thị trấn)	- Tiêm đại trà 1 đợt/năm vào đầu tháng 6/2025; tiêm bổ sung theo khai báo của người chăn nuôi.
7	Bệnh Dịch tả lợn cổ điển	Lợn từ 5 tuần tuổi trở lên	Tiêm đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng (11 xã, thị trấn)	- Tiêm đợt 1: Tháng 4/2025 - Tiêm đợt 2: Tháng 10/2025 - Tiêm bổ sung thường xuyên theo khai báo của người chăn nuôi
8	Bệnh tai xanh	Lợn nái, đực giống	Tiêm đạt tối thiểu 80% tổng đàn thuộc diện tiêm phòng (11 xã)	- Khi có dịch xảy ra

4. Vắc xin sử dụng tiêm phòng:

TT	Loại bệnh	Loại vắc xin	Liều lượng
1	Bệnh LMLM gia súc	Theo chỉ đạo của Cục Thú y và Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn	Theo quy định của nhà sản xuất
2	Bệnh cúm gia cầm		
3	Bệnh THT trâu bò		
4	Bệnh Dịch tả lợn		
5	Bệnh dại động vật		
6	Bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò		
7	Bệnh dịch tả lợn Châu phi		

5. Nhu cầu vắc xin tiêm phòng:

TT	Loại vắc xin	ĐVT	Tổng cộng
1	Lở mồm long móng gia súc	Liều	25.725
2	Viêm da nổi cục trâu, bò	Liều	13.000
3	Dịch tả lợn Châu phi	Liều	11.960
4	Tụ huyết trùng trâu, bò	Liều	14.200
5	Dịch tả lợn cổ điển	Liều	27.900
6	Cúm gia cầm	Liều	379.000

(Chi tiết có Phụ lục 01 đính kèm)

6. Tiêu độc khử trùng môi trường chăn nuôi, thủy sản:

6.1. Đối tượng, địa bàn: Thực hiện công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng tại các ổ dịch cũ, chuồng trại, ao hồ, các điểm mua bán gia súc, gia cầm sản phẩm gia súc, gia cầm, bãi chăn thả gia súc, gia cầm; các chợ có buôn bán gia súc, gia cầm và sản phẩm gia súc, gia cầm tươi sống ...trên địa bàn huyện.

6.2. Thời gian thực hiện: 02 đợt/năm.

6.3. Nhu cầu và hóa chất sử dụng

TT	UBND xã	Môi trường chăn nuôi	Môi trường thủy sản	Ghi chú
1	Tỉnh Giang	200	20	
2	Tỉnh Đông	200		
3	Tỉnh Bắc	160		

4	Tỉnh Minh	200	80	Hóa chất tỉnh hỗ trợ 100%
5	Tỉnh Hiệp	200		
6	Tỉnh Trà	120		
7	Tỉnh Bình	200	60	
8	Thị trấn Tịnh Hà	200		
9	Tỉnh Sơn	240	60	
10	Tỉnh Thọ	300	30	
11	Tỉnh Phong	300		
	Tổng cộng	2.320	250	

a) Nguồn kinh phí mua vắc xin:

TT	Loại vắc xin	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Bệnh Lở mồm long móng	NS tỉnh hỗ trợ 17.400 liều (đã có 1.325 liều năm 2024 mang sang) NS huyện: 7.000 Liều	
2	Bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò	NS tỉnh hỗ trợ: 5.000 Liều. NS huyện: 8.000 Liều	
3	Bệnh dịch tả lợn Châu phi	NS tỉnh hỗ trợ: 3.000 Liều. NS huyện: 6.300 Liều(đã có 2.660 liều 2024 mang sang)	
4	Bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	Người chăn nuôi chi trả: 14.200 Liều	
5	Bệnh dịch tả lợn cổ điển	Người chăn nuôi chi trả: 27.900 Liều	
6	Cúm gia cầm	Ngân sách tỉnh hỗ trợ 100%	
7	Bệnh dại động vật	Người chăn nuôi chi trả	

b) Bồi dưỡng cho lực lượng trực tiếp tham gia tiêm phòng:

TT	Loại vắc xin	Nguồn kinh phí	Ghi chú
1	Bệnh Lở mồm long móng	Người chăn nuôi chi trả	

	móng		
2	Bệnh cúm gia cầm	Người chăn nuôi chi trả	
3	Bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò	Người chăn nuôi chi trả	
4	Bệnh dịch tả lợn Châu phi	Người chăn nuôi chi trả	
5	Bệnh tụ huyết trùng trâu, bò	Người chăn nuôi chi trả	
6	Bệnh dịch tả lợn cổ điển	Người chăn nuôi chi trả	
7	Bệnh dại động vật	Người chăn nuôi chi trả	

c) Bồi dưỡng cho cán bộ cấp huyện tham gia chỉ đạo, kiểm tra, giám sát công tác tiêm phòng.

d) Mua vắc xin, dụng cụ, vật tư phục vụ cho công tác tiêm phòng không thuộc các danh mục ngân sách tỉnh.

e) Chi phí vận chuyển, bảo quản vắc xin từ tỉnh đến huyện, xã.

f) Công tác vệ sinh tiêu độc khử trùng môi trường: Mua đồ bảo hộ và tiền công phun thuốc từ nguồn ngân sách xã.

8. Chống dịch gia súc, gia cầm và thủy sản

- Khi có dịch xảy ra định mức chi phục vụ công tác phòng, chống dịch thực hiện theo Quyết định số 353/QĐ-UBND ngày 09/03/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc ban hành Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và Quyết định số 1989/QĐ-UBND ngày 12/12/2011 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc sửa đổi, bổ sung Quy định chế độ tài chính về phòng, chống dịch bệnh cây trồng, vật nuôi, thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Ngãi và các văn bản liên quan theo quy định hiện hành của Nhà nước.

- Những đàn gia súc, gia cầm thuộc đối tượng tiêm phòng, không chấp hành tiêm phòng, không đăng ký nuôi mới và không thực hiện đúng các hướng dẫn của ngành chức năng khi xảy ra dịch bệnh buộc phải tiêu hủy thì chủ chăn nuôi sẽ không được hỗ trợ thiệt hại theo quy định của Nhà nước.

9. Kinh phí thực hiện

a) Tổng kinh phí dự kiến thực hiện:

DVT: Đồng

TT	Loại dịch bệnh	Tổng cộng	Kinh phí ngân sách huyện	Kinh phí ngân sách xã	Kinh phí người chăn nuôi
1	Phòng chống bệnh cúm gia cầm	16.689.000	16.689.000		
2	Phòng chống bệnh lở mồm long móng	155.575.000	155.575.000		
3	Phòng chống bệnh dịch tả lợn Châu Phi	396.470.000	396.470.000		

4	Phòng chống bệnh Viêm da nổi cục trâu, bò	316.744.500	316.744.500		
5	Phòng chống bệnh tụ huyết trùng trâu bò	79.059.000	1.600.000		77.459.000
6	Phòng chống bệnh dịch tả lợn cổ điển	147.100.000	3.200.000		143.900.000
7	Tiêu độc khử trùng	228.240.000	9.000.000	219.240.000	
	Tổng cộng	1.339.877.500	899.278.500	219.240.000	221.359.000

(Chi tiết có Phụ lục 02 đính kèm)

b) Phân kỳ kinh phí: Phần kinh phí ngân sách huyện đã bố trí trong dự toán đầu năm để thực công tác phòng, chống dịch bệnh gia súc, gia cầm và động vật thủy sản trên địa bàn huyện năm 2025 được bố trí tại Quyết định số 3068/QĐ-UBND ngày 28/12/2024 của UBND huyện.

Điều 2. Tổ chức thực hiện

1. Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện

- Triển khai thực hiện Kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt.

- Thanh quyết toán kinh phí phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm năm 2025 theo kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt và theo số lượng thực tế phát sinh, đúng với các quy định hiện hành của Nhà nước; số lượng gia súc, gia cầm được tiêm phòng hoặc tiêu hủy phải có biên bản xác nhận của UBND các xã, thị trấn và tổ chức, cá nhân người chăn nuôi. Số lượng cán bộ chỉ đạo và lực lượng tham gia công tác phòng, chống bệnh gia súc, gia cầm và thủy sản (kể cả cán bộ trực tiếp tiêm phòng) phải có xác nhận của chính quyền địa phương (bảng chấm công).

- Theo dõi, tổng hợp và báo cáo số liệu cho UBND huyện tổng hợp báo cáo UBND tỉnh Quảng Ngãi.

2. Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện: Có trách nhiệm theo dõi, chỉ đạo và phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện triển khai thực hiện kế hoạch năm 2025 đạt mục tiêu kế hoạch đề ra.

3. Phòng Tài chính - Kế hoạch huyện: Có trách nhiệm cân đối nguồn và cấp phát kinh phí theo đúng quy định.

4. UBND các xã, thị trấn:

- Chịu trách nhiệm về số lượng gia súc, gia cầm thuộc diện tiêm phòng và cơ sở tiêu độc khử trùng năm 2025 trên địa bàn, chủ động đăng ký với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện để tiếp nhận các loại vắc xin, hóa chất để triển khai tiêm phòng đúng tiến độ theo Kế hoạch đã được UBND huyện phê duyệt.

- Chỉ đạo cán bộ Giao thông - Thủy lợi - Khuyến nông - Thú y cơ sở và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm phối hợp với Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện triển khai thực hiện đúng tiến độ và hoàn thành kế hoạch đã phê duyệt.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng các Phòng: Tài chính - Kế hoạch, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn huyện; Giám đốc Trung tâm Dịch vụ nông nghiệp huyện; Giám đốc Kho bạc Nhà nước huyện; Chủ tịch UBND các xã, thị trấn và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Các PCVP;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Trương Công Hòa

